Người ký: Văn phòng Sở
Email: sonnptnt@hungyen.gov.vn
Cơ quan: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tỉnh Hưng Yên
Thời gian ký: 18.01.2017 13:55:41 +07:00

UBND TỈNH HƯNG YÊN
**SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT**

Số: 11 /KH-SNN

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Hưng Yên, ngày 18 tháng 01 năm 2017*

# KẾ HOẠCH
## Rà soát thủ tục hành chính năm 2017

Thực hiện Quyết định số 28/QĐ-UBND ngày 06/01/2017 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính tỉnh Hưng Yên năm 2017, Sở Nông nghiệp và PTNT ban hành kế hoạch rà soát thủ tục hành chính của ngành năm 2017 như sau:

### I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU.

**1. Mục đích.**

- Rà soát các quy định, thủ tục hành chính nhằm kịp thời phát hiện để sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ thủ tục hành chính không cần thiết nhằm cắt giảm chi phí về thời gian và tài chính của người dân và doanh nghiệp trong việc thực hiện thủ tục hành chính.

- Phát huy tính sáng tạo của cán bộ, công chức và tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị thực hiện nhiệm vụ rà soát thủ tục hành chính

**2. Yêu cầu.**

- 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở được chuẩn hóa và kịp thời công bố, công khai trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính, trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh, của Sở và niêm yết tại Bộ phận tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính.

- Tổng hợp, tiếp nhận, xử lý đầy đủ và kịp thời các phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân về các quy định thủ tục, thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và PTNT.

### II. NỘI DUNG.

1. Rà soát các nhóm thủ tục hành chính sau:

| Số TT | Tên thủ tục hành chính | Đơn vị thực hiện | |
|---|---|---|---|
| | | Chủ trì | Phối hợp |
| **I** | **Lĩnh vực bảo vệ thực vật** | | |
| 1 | Cấp chứng chỉ hành nghề buôn bán thuốc bảo vệ thực vật | Chi cục Bảo vệ thực vật | Văn phòng Sở |
| 2 | Cấp lại chứng chỉ hành nghề buôn bán thuốc bảo vệ thực vật | Chi cục Bảo vệ thực vật | Văn phòng Sở |
| 3 | Cấp chứng chỉ hành nghề sản xuất, gia công, sang chau, đóng gói thuốc bảo vệ thực | Chi cục Bảo vệ thực vật | Văn phòng Sở |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | vật | | |
| 4 | Cấp lại chứng chỉ hành nghề sản xuất, gia công, sang chau, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật | Chi cục Bảo vệ thực vật | Văn phòng Sở |
| **II** | **Lĩnh vực Kiểm lâm** | | |
| 1. | Cấp giấy phép vận chuyển gấu gắn chíp điện tử | Chi cục Kiểm lâm | Văn phòng Sở |
| 2. | Cấp phép vận chuyển đặc biệt | Chi cục Kiểm lâm | Văn phòng Sở |
| 3. | Cấp phép tiếp nhận gấu | Chi cục Kiểm lâm | Văn phòng Sở |
| 4. | Giao nộp gấu cho nhà nước | Chi cục Kiểm lâm | Văn phòng Sở |
| 5. | Cấp giấy chứng nhận đăng ký trại nuôi sinh sản, sinh trưởng ĐVHD thông thường | Chi cục Kiểm lâm | Văn phòng Sở |
| 6. | Gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký trại nuôi sinh sản, sinh trưởng các loài động vật hoang dã thông thường và nguy cấp, quý hiếm | Chi cục Kiểm lâm | Văn phòng Sở |
| 7. | Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký trại nuôi sinh sản, sinh trưởng các loài động vật hoang dã trông thông thường và nguy cấp, quý hiếm và trại nuôi gấu | Chi cục Kiểm lâm | Văn phòng Sở |
| 8. | Thu hồi chứng nhận trại nuôi gấu (trường hợp chủ trại tự nguyện giao nộp gấu, gấu chết, gấu chuyển đi) | Chi cục Kiểm lâm | Văn phòng Sở |
| 9. | Xác nhận nguồn gốc gỗ, lâm sản khác ngoài gỗ | Chi cục Kiểm lâm | Văn phòng Sở |
| 10. | Xác nhận nguồn gốc ĐVHD thông thường | Chi cục Kiểm lâm | Văn phòng Sở |
| 11. | Đóng dấu búa kiểm lâm | Chi cục Kiểm lâm | Văn phòng Sở |

**2. Kiểm tra, tự kiểm tra việc thực hiện quy định, thủ tục hành chính**

- Thủ trưởng các phòng, ban, đơn vị thuộc Sở định kỳ tổ chức tự kiểm tra quá trình thực hiện kế hoạch rà soát thủ tục hành chính của đơn vị.

- Sở thành lập đoàn kiểm tra việc thực hiện kế hoạch kiểm soát của các phòng, đơn vị thuộc Sở.

- Thời gian: Quý II/2017

## III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

**1. Các phòng, đơn vị thuộc Sở.**

Căn cứ kế hoạch của Sở, phân công cán bộ rà soát các quy định, thủ tục hành chính của đơn vị mình; định kỳ tự kiểm tra và báo cáo việc thực hiện kế hoạch. Báo cáo **đợt 1 trước ngày 10/6/2017, đợt 2 trước ngày 10/12/2017** gửi về Sở qua hộp thư điện tử: ***sonongnghiepptnthy@gmail.com***

**2. Văn phòng Sở**

- Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc tổ chức thực hiện kế hoạch của các phòng, đơn vị trực thuộc; định kỳ tổng hợp, báo cáo Lãnh đạo Sở và UBND tỉnh.

- Tham mưu lãnh đạo Sở thành lập Đoàn kiểm tra và nội dung kiểm tra các phòng, đơn vị.

Yêu cầu thủ trưởng các phòng, đơn vị thuộc Sở nghiêm túc triển khai, tổ chức thực hiện./.

*(Gửi kèm biểu mẫu báo cáo rà soát TTHC)*

***Nơi nhận:***
- UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Sở Nội vụ;
- Lãnh đạo Sở;
- Các phòng, đơn vị trực thuộc liên quan;
- Lưu: VT.

**GIÁM ĐỐC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
TỈNH HÀ TĨNH

**Nguyễn Văn Doanh**

**Biểu mẫu 1:**

**CƠ QUAN/ ĐƠN VỊ BÁO CÁO**

Số: ...../.....

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*....., ngày.....tháng.... năm 20....*

# BÁO CÁO

## Kết quả rà soát quy định, thủ tục hành chính

**I. Tổng số TTHC đã rà soát: ....., trong đó:**

- Số lượng mẫu đơn, mẫu tờ khai: .....
- Số lượng yêu cầu, điều kiện: .....

**II. Danh sách TTHC kiến nghị giữ nguyên:**

Bao gồm những trường hợp được kiến nghị giữ nguyên toàn bộ nội dung của TTHC và mẫu đơn, mẫu tờ khai, yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC *(theo Biểu mẫu 2)*.

**III. Kiến nghị phương án đơn giản hóa đối với những TTHC thuộc thẩm quyền ban hành của Sở Nông nghiệp và PTNT:**

1. Danh sách TTHC kiến nghị sửa đổi, bổ sung:

a) Số lượng TTHC kiến nghị sửa đổi, bổ sung: ....., trong đó:

- Số lượng mẫu đơn, mẫu tờ khai kiến nghị sửa đổi, bổ sung: .....
- Số lượng yêu cầu, điều kiện kiến nghị sửa đổi, bổ sung: .....

b) Danh sách TTHC kiến nghị sửa đổi, bổ sung: *(theo Biểu mẫu 3)*

2. Danh sách TTHC kiến nghị thay thế:

a) Số lượng TTHC kiến nghị thay thế: ....., trong đó:

- Số lượng mẫu đơn, mẫu tờ khai kiến nghị thay thế: .....
- Số lượng yêu cầu, điều kiện kiến nghị thay thế: .....

b) Danh sách TTHC kiến nghị thay thế: *(theo Biểu mẫu 4)*

3. Số lượng TTHC kiến nghị bãi bỏ, hủy bỏ:

a) Số lượng TTHC kiến nghị bãi bỏ, hủy bỏ: ....., trong đó:

- Số lượng mẫu đơn, mẫu tờ khai kiến nghị bãi bỏ, hủy bỏ: .....
- Số lượng yêu cầu, điều kiện kiến nghị thay thế bãi bỏ, hủy bỏ: .....

b) Danh sách TTHC kiến nghị bãi bỏ, hủy bỏ: *(theo Biểu mẫu 5)*

4. Số lượng TTHC đề nghị công bố mới.

- Số lượng mẫu đơn, mẫu tờ khai kiến nghị công bố mới: .....

- Số lượng yêu cầu, điều kiện kiến nghị công bố mới: .....

b) Danh sách TTHC kiến nghị công bố mới: *(theo Biểu mẫu 6)*

5. Các đề xuất khác:

***Nơi nhận:***
- .....;
- ...
- Lưu.

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN/ ĐƠN VỊ**

*(Ký tên, đóng dấu)*

**Biểu mẫu 2**
**DANH SÁCH TTHC KIẾN NGHỊ GIỮ NGUYÊN**

| Stt | Tên TTHC | Lĩnh vực |
|---|---|---|
| 1 | | |
| 2 | | |

**Biểu mẫu 3**
**DANH SÁCH TTHC KIẾN NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG**

| Stt | Tên TTHC | Lĩnh vực | Kiến nghị sửa đổi, bổ sung |
|---|---|---|---|
| 1 | | | a) Nội dung sửa đổi, bổ sung:<br>(*nêu rõ nội dung cần sửa đổi, bổ sung của TTHC, mẫu đơn, mẫu tờ khai, yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC*)<br>b) Lý do sửa đổi, bổ sung:<br>(nêu rõ văn bản quy định cụ thể, lý do tại sao cần sửa đổi, bổ sung TTHC, mẫu đơn, mẫu tờ khai, yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC; )<br>c) Phương án sửa đổi, bổ sung:<br>(nêu phương án sửa đổi, bổ sung cụ thể đối với TTHC, mẫu đơn, mẫu tờ khai, yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC) |
| 2 | | | |

**Biểu mẫu 4**

**DANH SÁCH TTHC KIẾN NGHỊ THAY THẾ**

| Stt | Tên TTHC | Lĩnh vực | Kiến nghị thay thế |
|---|---|---|---|
| 1 | | | a) Nội dung thay thế:<br>(nêu rõ cần thay thế TTHC, mẫu đơn, mẫu tờ khai, hay yêu cầu/ điều kiện để thực hiện TTHC?)<br>b) Lý do thay thế:<br>(nêu rõ lý do tại sao cần thay thế TTHC, mẫu đơn, mẫu tờ khai, yêu cầu/ điều kiện để thực hiện TTHC) |
| 2 | | | |

**Biểu mẫu 5**

**DANH SÁCH TTHC KIẾN NGHỊ BÃI BỎ/HỦY BỎ**

| Stt | Tên TTHC | Lĩnh vực | Kiến nghị bãi bỏ/hủy bỏ |
|---|---|---|---|
| 1 | | | a) Nội dung bãi bỏ/hủy bỏ:<br>(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ TTHC, mẫu đơn, mẫu tờ khai, hay yêu cầu/ điều kiện để thực hiện TTHC?)<br>b) Lý do bãi bỏ/hủy bỏ:<br>(nêu rõ lý do tại sao cần bãi bỏ/hủy bỏ TTHC, mẫu đơn, mẫu tờ khai, yêu cầu/ điều kiện để thực hiện TTHC) |
| 2 | | | |
| ... | | | |

**Biểu mẫu 6**

**DANH SÁCH TTHC ĐỀ NGHỊ CÔNG BỐ MỚI**

| | |
|---|---|
| **01. Tên thủ tục** | |
| + Trình tự thực hiện | **Các bước thực hiện đối với cá nhân (tổ chức):**<br>- Chuẩn bị hồ sơ hợp lệ: .....<br>**Các bước thực hiện đối với cơ quan nhà nước:**<br>- ..... |
| + Thành phần, số lượng hồ sơ | a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:<br>.....<br>.....<br>b) Số lượng hồ sơ: ..... (bộ) |
| + Thời hạn giải quyết | Sau .... ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. |
| + Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính (TTHC) | + Cá nhân<br>+ Tổ chức |
| + Cơ quan thực hiện TTHC | a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: .....<br>b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): .....<br>c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: .....<br>d) Cơ quan phối hợp (nếu có): |
| + Kết quả của việc thực hiện TTHC | ..... |
| + Lệ phí | ..... |
| + Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai | ..... |
| + Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC | ..... |
| + Căn cứ pháp lý của TTHC | ..... |